

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Ngày 26/05/2025 / As at 26 May 2025

|   |                                                      |                                                                                                   |
|---|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Tên Công ty Quản lý Quỹ:<br>Fund Management Company: | Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam<br>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd                     |
| 2 | Tên Ngân hàng Giám sát:<br>Supervising bank:         | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam<br>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam |
| 3 | Tên Quỹ ETF:<br>Fund name:                           | Quỹ ETF KIM GROWTH VN30<br>KIM GROWTH VN30 ETF                                                    |
| 4 | Mã chứng khoán:<br>Code:                             | FUEKIV30<br>FUEKIV30                                                                              |
| 5 | Ngày lập báo cáo:<br>Reporting date:                 | 27/05/2025<br>27 May 2025                                                                         |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT<br>No | CHỈ TIÊU<br>Criteria                                     | Mã số<br>Code | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>26/05/2025 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>25/05/2025 |
|-----------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1         | Giá trị tài sản ròng / Net asset value                   |               |                                     |                                       |
| 1.1       | Của quỹ ETF/Per Fund                                     |               | 1.980.035.516.695                   | 1.960.837.175.030                     |
| 1.2       | Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate |               | 955.615.596                         | 945.893.475                           |
| 1.3       | Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate               |               | 9.556,15                            | 9.458,93                              |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

*Vũ Trí Thanh*

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

**Yun Hang Jin**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**